

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Đức P.**

2. Bà **Trần Thị H.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị C** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thu H** – Sinh năm: 1996.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày.

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Lạn Văn Giang** – Sinh năm: 1995.

Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Tày.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông **Lạn Văn V** – Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Bà **Mai Thị D** – Sinh năm: 1965; Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31-7-2017 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị H và anh G trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Chị H và anh G đã chung sống với nhau từ tháng 01-2015 và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, chị H và anh G chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6-2016, thì chị H và anh G phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H và anh G đã sống ly thân với nhau từ tháng 8-2016 cho đến nay. Chị H xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh G để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh G có một con chung:

Cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015.

Hiện tại, cháu N đang ở với anh G. Chị H có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lạn Văn G trình bày theo lời khai tại Tòa án ngày 01-12-2017: Anh G đã nhận được toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do chị H gửi cho anh G. Anh G và chị H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Anh G và chị H chung sống với nhau từ tháng 01-2015 và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, anh G và chị H chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình gia đình anh G và chị H có nhiều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, chị H bỏ việc đi chơi, anh G có gọi về nhưng chị H lại tiếp tục bỏ đi. Anh G và chị H đã sống ly thân với nhau từ tháng 9-2016 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh G, anh G nhất trí ly hôn với chị H để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh G và chị H có một con chung:

Cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015.

Hiện tại, cháu N đang ở với anh G. Anh G có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh G không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành hòa giải được vì các đương sự vắng mặt (Chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh G đã được triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Nguyễn Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24-11-2017. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải

quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thu H và các tài liệu kèm theo. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh G.

Về phần con chung: Chị Nguyễn Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao cháu Lạn Bảo N cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H yêu cầu buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lạn Văn G giữ nguyên yêu cầu nhất trí ly hôn với chị H để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về phần con chung: Anh Lạn Văn G vẫn giữ nguyên quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh G không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Nguyễn Thu H đối với anh Lạn Văn G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thu H và anh Lạn Văn G ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015 cho chị Nguyễn Thu H – Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lạn Bảo N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018.

Anh Lạn Văn G phải cấp dưỡng nuôi cháu Lạn Bảo N - Sinh ngày: 25-3-2015, hàng tháng với số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Anh G có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung và công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị và anh G. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa

án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Lạn Văn G xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Chị H và anh G chung sống với nhau từ tháng 01-2015 và có đăng ký kết hôn ngày 28-01-2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị H và anh G đã sống ly thân với nhau từ tháng 9-2016 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có đơn xin ly hôn với anh G. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh G là phù hợp.

[3] Về con chung:

Cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015.

Chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015 cho chị H nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị H là phù hợp vì cháu N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo được cuộc sống cho cháu N cần phải giao cháu Lạn Bảo N cho chị Nguyễn Thu H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lạn Bảo N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Không chấp nhận quan điểm yêu cầu của anh Lạn Văn G đưa ra về việc nhận nuôi cháu N.

Chị H yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Tòa án xét thấy yêu cầu của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Anh G có quyền được thăm non con chung sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh G phải chịu án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu H và anh Lạn Văn G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Nguyễn Thu H đối với anh Lạn Văn G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thu H và anh Lạn Văn G ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015 cho chị Nguyễn Thu H – Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lạn Bảo N thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Anh Lạn Văn G có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Anh Lạn Văn G cấp dưỡng nuôi cháu Lạn Bảo N – Sinh ngày: 25-3-2015 hàng tháng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018.

Chị Nguyễn Thu H – Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01862 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Anh Lạn Văn G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh Lạn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06-02-2018).

Báo cho chị Nguyễn Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã T;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Anh L

Bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)